

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K**



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K**



## MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 – 03
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	04 – 05
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
-	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	06 – 07
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	08
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	09
-	<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	10
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	11 – 26

28  
CÔNG  
CƠ  
ỨNG  
400  
KIẾ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc*

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

#### KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2008, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10 năm 3 năm 2009, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 02 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh chứng khoán.

#### **Ngành nghề kinh doanh:**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:**

**Các thành viên Hội đồng quản trị:**

Ông Park Jong Hyun	Chủ tịch
Bà Võ Thị Hồng Vân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiện Toàn	Ủy viên
Ông Vũ Đức Nghĩa	Ủy viên
Ông Jin Woo Hyun	Ủy viên
Ông Lee Yun Ki	Ủy viên



*Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:*

Ông Vũ Đức Nghĩa

Tổng Giám đốc

Ông Trần Nhật Huy

Phó Tổng Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Trong năm, Công ty đã thực hiện ký Thỏa thuận đặt cọc và Hợp đồng đặt mua chứng khoán tự doanh cho các cá nhân ngoài Công ty có tài sản đảm bảo để thực hiện việc mua chứng khoán không niêm yết với tổng giá trị phát sinh lũy kế là 511 tỷ đồng (giao dịch này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường số 070822/ĐHĐCĐ-BBH ngày 22 tháng 08 năm 2007). Tuy nhiên việc thực hiện các giao dịch không thành công nên Công ty đã thu hồi lại bằng tiền mặt. Đến thời điểm 31/12/2014, số dư tiền đặt trước là 25,528 tỷ đồng và đến thời điểm lập Báo cáo này Công ty đã thu hồi hết bằng tiền mặt. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng việc thực hiện các giao dịch trên là không trái với các quy định hiện hành.

Do kỳ vọng của Công ty về việc đầu tư hệ thống phần mềm chỉ số, phần mềm giao dịch chứng khoán và phần mềm quản lý khách hàng sẽ thu được nhiều lợi ích hơn so với giá trị đầu tư ban đầu và doanh thu sẽ tăng mạnh khi nền kinh tế Việt Nam hồi phục. Vì vậy, Công ty đã đầu tư cho các tài sản nêu trên với giá trị khoảng 35 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định, việc mua sắm và đầu tư này thuộc thẩm quyền của mình và nằm trong chiến lược phát triển của Công ty từ khi thành lập đến nay. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc ghi nhận tài sản cố định vô hình, chi phí khấu hao và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như hiện tại là phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những kỳ kế toán tiếp theo.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ kế toán tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán này đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Công ty không thực hiện các giao dịch có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty. Các đối tác của Công ty là các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, các

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc*

doanh nghiệp và các cá nhân hoàn toàn độc lập với Công ty. Công ty cũng như các đối tác của Công ty cũng không sở hữu cổ phiếu của bên kia cũng như là thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành của phía đối tác.

▪ Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty trong kỳ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**VŨ ĐỨC NGHĨA**

**Tổng Giám đốc**

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2015





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

## THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội : Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSITT - CAHN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: (04) 44 500 668 - Fax: (04) 44 500 669  
Chi nhánh Miền nam : C14, Quang Trung, phường 11 - Tel: (08)3 589 7462 - Fax: (08)3 589 7464  
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM : Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM - Tel: (08)3 848 0763 - Fax: (08)3 526 7187  
Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng - Tel: (0511)3 651 818 - Fax: (0511)3 651 868  
Chi nhánh Lạng Sơn : Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu - Tel: (025)3 718 545 - Fax: (025)3 716 264

Số: 197.1/2014/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV

**Kính gửi:** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV, được lập ngày 27 tháng 02 năm 2015, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

- Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty chỉ trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản công nợ phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán từ trước năm 2009 là 12% trên tổng dư nợ do Công ty tin tưởng sẽ thu hồi được toàn bộ khoản công nợ này. Theo ước tính của chúng tôi, giá trị dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính là 3.607.980.600 VND.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2015

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**

**Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**TU QUYNH HẠNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0313-2014-045-1

**LƯU ANH TUẤN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1026-2014-045-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>105.502.901.100</b>	<b>88.952.761.972</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>17.501.506.390</b>	<b>16.999.673.083</b>
1. Tiền	111		16.001.506.390	16.999.673.083
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	0
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>10.476.433.870</b>	<b>55.341.123.206</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.555.415.870	55.341.123.206
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.078.982.000)	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>	<b>74.880.504.726</b>	<b>13.633.766.544</b>
1. Phải thu khách hàng	131		102.162.725	3.517.840.795
2. Trả trước cho người bán	132		7.267.782.282	1.025.795.708
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		4.070.743.619	8.314.290.719
5. Các khoản phải thu khác	138		64.022.474.911	1.276.427.775
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(582.658.811)	(500.588.453)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>249.515.141</b>	<b>892.175.819</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	249.515.141	892.175.819
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.394.940.973</b>	<b>2.086.023.320</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		199.226.056	20.889.011
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		121.963.261	95.217.689
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	2.073.751.656	1.969.916.620
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>39.677.167.013</b>	<b>57.789.501.573</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.581.098.919</b>	<b>42.094.872.883</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	2.647.675.494	2.942.124.678
- Nguyên giá	222		5.441.568.944	5.441.568.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.793.893.450)	(2.499.444.266)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	19.465.570.786	20.759.437.066
- Nguyên giá	228		25.036.576.214	25.036.576.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.571.005.428)	(4.277.139.148)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	15.467.852.639	18.393.311.139
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>85.500.000</b>	<b>13.207.098.000</b>
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		85.500.000	85.500.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258		0	13.121.598.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.010.568.094</b>	<b>2.487.530.690</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	796.442.676	1.242.274.639
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		924.481.647	874.289.963
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	289.643.771	370.966.088
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>145.180.068.113</b>	<b>146.742.263.545</b>

✓  
W KI  
T M

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.928.596.060</b>	<b>10.588.041.806</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.928.596.060</b>	<b>10.588.041.806</b>
2. Phải trả người bán	312		559.072.811	1.023.893.045
3. Người mua trả tiền trước	313		207.296.271	207.296.271
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	36.639.124	645.338.989
5. Phải trả người lao động	315		(3.100.000)	329.218.002
6. Chi phí phải trả	316		187.168.320	72.465.273
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	1.989.687.796	2.030.160.194
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		5.837.675.333	6.165.513.377
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		114.156.405	114.156.655
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>136.251.472.053</b>	<b>136.154.221.739</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.13	<b>136.251.472.053</b>	<b>136.154.221.739</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		113.649.448	113.649.448
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		113.649.448	113.649.448
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.024.173.157	926.922.843
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>145.180.068.113</b>	<b>146.742.263.545</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006		139.544.110.000	149.201.170.000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		139.544.110.000	149.201.170.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		136.880.750.000	143.533.730.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		2.663.360.000	5.667.440.000

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc

**ĐÔNG THỊ DUY THANH**

**NGUYỄN THỊ LAN ANH**

**VŨ ĐỨC NGHĨA**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>1</b>	<b>VI.14</b>	<b>13.178.539.240</b>	<b>12.604.135.375</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		948.176.929	673.484.361
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		6.188.118.600	263.913.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		4.452.380.133	6.564.196.423
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		0	
- Doanh thu khác	01.9		1.589.863.578	5.102.541.591
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>13.178.539.240</b>	<b>12.604.135.375</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>VI.15</b>	<b>10.252.832.593</b>	<b>7.673.450.168</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.925.706.647</b>	<b>4.930.685.207</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>VI.16</b>	<b>2.860.442.643</b>	<b>4.821.773.958</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>65.264.004</b>	<b>108.911.249</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>	<b>VI.17</b>	<b>42.135.141</b>	<b>190.560.327</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>	<b>VI.18</b>	<b>10.148.831</b>	<b>215.536.225</b>
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>31.986.310</b>	<b>(24.975.898)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>97.250.314</b>	<b>83.935.351</b>
<b>12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>VI.19</b>	<b>0</b>	<b>16.787.070</b>
<b>13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>97.250.314</b>	<b>67.148.281</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>			

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc





**ĐỒNG THỊ DUY THANH**

**NGUYỄN THỊ LAN ANH**

**VŨ ĐỨC NGHĨA**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>97.250.314</b>	<b>83.935.351</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.588.315.464	1.553.055.779
- Các khoản dự phòng	03	1.161.052.358	169.191.858
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	0	11.292.188
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.278.382.838)	(5.021.954.956)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD</b>	<b>08</b>	<b>(4.431.764.702)</b>	<b>(3.204.479.780)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(41.632.741.148)	2.069.566.591
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	642.660.678	(642.660.678)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.629.782.109)	5.215.444.998
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	267.494.918	(379.355.112)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29.663.637)	0
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	328.763.496.039	63.208.790
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(276.552.758.070)	(11.292.188)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.396.941.969</b>	<b>3.110.432.621</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.779.591.500)	(10.930.141.304)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	0	25.263.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.015.430.000)	(12.680.264.045)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đv khác	24	28.621.530.000	4.250.759.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	(13.121.598.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.278.382.838	5.021.954.956
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.895.108.662)</b>	<b>(27.434.025.756)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>501.833.307</b>	<b>(24.323.593.135)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>16.999.673.083</b>	<b>41.323.266.218</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>17.501.506.390</b>	<b>16.999.673.083</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc

ĐỒNG THỊ DUY THANH

NGUYỄN THỊ LAN ANH

VŨ ĐỨC NGHĨA

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/ giảm				Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		113.649.448	113.649.448	0	0	0	0	113.649.448	113.649.448
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		113.649.448	113.649.448	0	0	0	0	113.649.448	113.649.448
10. Lợi nhuận chưa phân phối		859.774.563	926.922.843	67.148.280	0	97.250.314	0	926.922.843	1.024.173.157
<b>Cộng</b>		<b>136.087.073.459</b>	<b>136.154.221.739</b>	<b>67.148.280</b>	<b>0</b>	<b>97.250.314</b>	<b>0</b>	<b>136.154.221.739</b>	<b>136.251.472.053</b>

Người lập



**ĐÔNG THỊ DUY THANH**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ LAN ANH**

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



**VU ĐỨC NGHĨA**



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2008, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10 năm 3 năm 2009, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 02 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở hoạt động: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 135.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Worri	66.150.000.000	49%
2	Ông Vũ Đức Nghĩa	8.500.000.000	6%
3	Bà Võ Thị Hồng Vân	7.000.000.000	5%
4	Các cá nhân khác	53.350.000.000	40%
<b>Cộng</b>		<b>135.000.000.000</b>	<b>100%</b>

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.



## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**

### **Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

## **IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

#### **1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### **1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

#### **2.1. Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

*(Handwritten signatures and initials)*



### **Phải thu khách hàng**

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

### **Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

### **2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2014, Ban Giám đốc đánh giá mức độ tổn thất của các khoản phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 là 12%. Do Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ thu hồi được các khoản công nợ này trong thời gian tới nên chỉ trích lập dự phòng phải thu khó đòi mức 12% trên tổng số dư nợ khó đòi.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ:** Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 18 năm
- Máy móc, thiết bị	08 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 – 15 năm
- Tài sản cố định vô hình	03 – 20 năm

### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

#### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

53  
NG  
PH  
G KH  
RI C  
4 - 1  
✓✓  
✓✓



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

### 4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

#### Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[ \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} \\ \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

#### Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \left[ \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \\ \text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} \end{array} \right] \times \left[ \begin{array}{l} \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường} \end{array} \right]$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ

- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

***Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.***

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hệ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

***Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán***

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí kiểm toán và các chi phí phải trả khác.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

### **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

### **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

### **Doanh thu hoạt động tư vấn:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

### **Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

### **Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

## **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

## **11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## **12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

01. Tiền	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền mặt	151.064.707	140.254.117
- Tiền gửi ngân hàng	15.850.441.683	16.859.418.966
+ <i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	5.924.803.412	6.141.323.167
+ <i>Tiền gửi của Công ty</i>	9.925.638.271	10.718.095.799
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.500.000.000	0
+ <i>Ngân hàng BIDV Hà Thành</i>	1.500.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>17.501.506.390</b>	<b>16.999.673.083</b>

**Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Khối lượng GD thực hiện trong kỳ	Giá trị KLGD thực hiện trong kỳ
<b>a. Cửa công ty chứng khoán</b>	<b>1.427.290</b>	<b>65.113.110.000</b>
- Cổ phiếu	1.427.290	65.113.110.000
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
<b>b. Cửa nhà đầu tư</b>	<b>37.437.744</b>	<b>482.427.574.500</b>
- Cổ phiếu	37.437.744	482.427.574.500
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.865.034</b>	<b>547.540.684.500</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**02. Đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá trị trường		Ghi chú
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm	
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm			
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>	77.193	597	8.405.415.870	11.515.870	0	0	1.078.982.000	0	7.326.433.870	11.515.870	
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	77.193	597	8.405.415.870	11.515.870	0	0	1.078.982.000	0	7.326.433.870	11.515.870	
- VNM	76.596	597	8.393.900.000	0	0	0	1.078.982.000	0	7.314.918.000	0	
- Cổ phiếu lẻ	597	0	11.515.870	11.515.870	0	0	0	0	11.515.870	11.515.870	
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
<b>III. Đầu tư góp vốn</b>	0	0	85.500.000	13.207.098.000	0	0	0	0	85.500.000	13.207.098.000	
- Vốn góp liên doanh, liên kết	0	0	85.500.000	85.500.000	0	0	0	0	85.500.000	85.500.000	
- Đầu tư dài hạn khác	0	0	0	13.121.598.000	0	0	0	0	0	13.121.598.000	
<b>IV. Đầu tư tài chính khác</b>	0	0	3.150.000.000	55.329.607.336	0	0	0	0	3.150.000.000	55.329.607.336	
- Hợp đồng Ứng trước tiền bán chứng khoán	0	0	0	770.085.336	0	0	0	0	0	770.085.336	
- Hợp đồng mua chứng khoán chưa niêm yết có kỳ hạn	0	0	0	8.923.681.000	0	0	0	0	0	8.923.681.000	
- Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn	0	0	0	28.786.600.000	0	0	0	0	0	28.786.600.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	0	0	3.150.000.000	16.849.241.000	0	0	0	0	3.150.000.000	16.849.241.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>77.193</b>	<b>597</b>	<b>11.640.915.870</b>	<b>68.548.221.206</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.078.982.000</b>	<b>0</b>	<b>10.561.933.870</b>	<b>68.548.221.206</b>	

33  
IG  
PH  
KH  
C

Handwritten mark

Handwritten mark



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đé La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**03. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm		Số PS trong kỳ		Số cuối năm			Số dự phòng
	Trong kỳ	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	3.517.840.795	103.727.450	3.715.611.937	7.131.290.007	102.162.725	102.162.725	87.121.500	87.121.500
2. Trả trước cho người bán	1.025.795.708	0	14.073.471.531	7.831.484.957	7.267.782.282	0	0	0
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	8.314.290.719	8.314.290.719	63.635.531	4.307.182.631	4.070.743.619	4.070.743.619	4.070.743.619	495.537.311
5. Phải thu khác	1.276.427.775	0	638.389.666.445	575.643.619.309	64.022.474.911	0	0	0
- Ngân hàng BIDV (tiền bán chứng khoán tự doanh)	0	0	28.097.680.000	8.297.900.000	19.799.780.000	0	0	0
- Phải thu tiền bán chứng khoán đầu tư (*)	0	0	18.168.750.000	0	18.168.750.000	0	0	0
- Thỏa thuận đặt cọc mua chứng khoán (**)	0	0	591.900.445.000	566.372.445.000	25.528.000.000	0	0	0
- Các khoản phải thu khác	1.276.427.775	0	222.791.445	973.274.309	525.944.911	0	0	0
<b>Tổng cộng:</b>	<b>14.134.354.997</b>	<b>8.418.018.169</b>	<b>656.242.385.444</b>	<b>594.913.576.904</b>	<b>75.463.163.537</b>	<b>4.172.906.344</b>	<b>4.157.865.119</b>	<b>582.658.811</b>

(\*\*) Đây là khoản phải thu từ các Hợp đồng đặt mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác, mà mọi thỏa thuận quy định trong Hợp đồng này đều là thỏa thuận dân sự giữa Công ty và đối tác vì mục đích tự doanh chứng khoán của Công ty. Theo đó:

- + Thực hiện việc tự doanh chứng khoán của Công ty, Công ty đặt trước cho đối tác một khoản tiền (gọi tắt là Khoản đặt trước) để đối tác mua hộ cho Công ty cổ phần của các doanh nghiệp với mức giá và khối lượng do Công ty chỉ định.
- + Ngay sau khi mua được những cổ phần trên, đối tác có trách nhiệm thực hiện mọi thủ tục cần thiết để chuyển quyền sở hữu cho Công ty.
- + Công ty có trách nhiệm thanh toán cho đối tác một khoản phí bằng 0.015% \* Tổng giá trị giao dịch thành công sau khi đối tác hoàn tất việc mua và bán lại các cổ phần cho Công ty theo quy định

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>04. Hàng tồn kho</b>		
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	249.515.141	892.175.819
<b>Cộng</b>	<b>249.515.141</b>	<b>892.175.819</b>
<b>05. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
- Tài sản thiếu chờ xử lý	81.648.595	81.648.595
- Tạm ứng	1.992.103.061	1.888.268.025
<b>Cộng</b>	<b>2.073.751.656</b>	<b>1.969.916.620</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình		Đơn vị tính: VND		
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
Số dư đầu năm	459.910.106	4.539.992.648	441.666.190	5.441.568.944
Số dư cuối năm	459.910.106	4.539.992.648	441.666.190	5.441.568.944
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	361.206.448	1.801.198.190	337.039.628	2.499.444.266
- Khấu hao trong kỳ	5.755.608	260.054.040	28.639.536	294.449.184
Số dư cuối năm	366.962.056	2.061.252.230	365.679.164	2.793.893.450
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>				
- Tại ngày đầu năm	98.703.658	2.738.794.458	104.626.562	2.942.124.678
- Tại ngày cuối năm	92.948.050	2.478.740.418	75.987.026	2.647.675.494

pho2

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
Số dư đầu năm	25.036.576.214	25.036.576.214
Số dư cuối kỳ	25.036.576.214	25.036.576.214
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	4.277.139.148	4.277.139.148
- Khấu hao trong kỳ	1.293.866.280	1.293.866.280
Số dư cuối quý	5.571.005.428	5.571.005.428
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>		
- Tại ngày đầu năm	20.759.437.066	20.759.437.066
- Tại ngày cuối quý	19.465.570.786	19.465.570.786

<b>08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí xây dựng phần mềm chỉ số, phần mềm gd chứng khoán, phần mềm quản lý khách hàng	15.467.852.639	18.393.311.139
<b>Cộng</b>	<b>15.467.852.639</b>	<b>18.393.311.139</b>
<b>09. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	470.116.224	705.034.977
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	213.582.097	287.132.855
- Chi phí khác	112.744.355	250.106.807
<b>Cộng</b>	<b>796.442.676</b>	<b>1.242.274.639</b>
<b>10. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	289.643.771	370.966.088
<b>Cộng</b>	<b>289.643.771</b>	<b>370.966.088</b>
<b>11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế giá trị gia tăng	0	531.245.324
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.515.412	47.179.049
- Thuế thu nhập cá nhân	14.123.603	61.914.507
- Thuế khác	5.000.109	5.000.109
<b>Cộng</b>	<b>36.639.124</b>	<b>645.338.989</b>
<b>12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tài sản thừa chờ xử lý	378.850.234	378.850.234
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	0	19.304.557
- Các khoản khác	1.610.837.562	1.632.005.403
<b>Cộng</b>	<b>1.989.687.796</b>	<b>2.030.160.194</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

**13. Vốn chủ sở hữu**

**13.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	113.649.448	-	-	113.649.448
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	113.649.448	-	-	113.649.448
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	926.922.843	97.250.314	-	1.024.173.157
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.154.221.739</b>	<b>97.250.314</b>	<b>-</b>	<b>136.251.472.053</b>

**13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori
- Ông Vũ Đức Nghĩa
- Bà Võ Thị Hồng Vân
- Các cá nhân khác

**Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	66.150.000.000	66.150.000.000
	8.500.000.000	8.500.000.000
	7.000.000.000	7.000.000.000
	53.350.000.000	53.350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>135.000.000.000</b>

**13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm

	Năm nay	Năm trước
	135.000.000.000	135.000.000.000
	0	0
	0	0
	135.000.000.000	135.000.000.000

**13.4 Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- *Cổ phiếu phổ thông*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- *Cổ phiếu phổ thông*
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
	13.500.000	13.500.000
	13.500.000	13.500.000
	13.500.000	13.500.000
	13.500.000	13.500.000
	13.500.000	13.500.000
	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>14. Doanh thu</b>			
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		948.176.929	673.484.361
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		6.188.118.600	263.913.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn		4.452.380.133	6.564.196.423
- Doanh thu khác		1.589.863.578	5.102.541.591
<i>Trong đó: Cổ tức</i>		<i>1.140.966.600</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>		<b>13.178.539.240</b>	<b>12.604.135.375</b>
<b>15. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>			
- Chi phí trực tiếp hoạt động KDCK		2.526.321.481	1.883.254.656
- Chi phí nhân viên trực tiếp		4.517.012.311	4.354.176.821
- Chi phí khấu hao TSCĐ		1.111.820.822	1.087.139.048
- Chi phí khác		2.097.677.979	348.879.643
<b>Cộng</b>		<b>10.252.832.593</b>	<b>7.673.450.168</b>
<b>16. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>			
- Chi phí nhân viên quản lý		164.051.790	980.449.674
- Chi phí vật liệu quản lý		20.002.600	19.169.763
- Chi phí đồ dùng văn phòng		19.778.182	29.235.500
- Chi phí khấu hao TSCĐ		476.494.642	465.916.731
- Thuế, phí, lệ phí		234.713.189	280.866.648
- Dự phòng		82.070.358	169.191.858
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		1.688.982.027	2.454.960.620
- Chi phí bằng tiền khác		174.349.855	421.983.164
<b>Cộng</b>		<b>2.860.442.643</b>	<b>4.821.773.958</b>
<b>17. Thu nhập khác</b>			
- Thu phí cấp lại thẻ OTP		3.364.400	2.100.000
- Thanh lý tài sản		0	56.263.637
- Lãi từ quỹ hỗ trợ thanh toán		0	88.154.812
- Khác		38.770.741	44.041.878
<b>Cộng</b>		<b>42.135.141</b>	<b>190.560.327</b>
<b>18. Chi phí khác</b>			
- Tiền BHXH, BHYT		7.354.709	3.562.754
- Thanh lý tài sản		0	53.001.763
- Giá trị còn lại của tài sản không sử dụng		0	126.548.456
- Khác		2.794.122	32.423.252
<b>Cộng</b>		<b>10.148.831</b>	<b>215.536.225</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014***19. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<u>Năm nay</u>
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	97.250.314
2. Các khoản thu nhập không chịu thuế	1.140.966.600
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế	0
4. Số lỗ kết chuyển	0
5. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm( 4=1-2+3-4)	(1.043.716.286)
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành( 5=4x20%)	0

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Công cụ tài chính**

Đơn vị tính: VND

**1.1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**1.2. Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
- Tiền, các khoản tương đương tiền	17.501.506.390	17.501.506.390
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.555.415.870	10.476.433.870
- Các khoản phải thu khách hàng	102.162.725	15.041.225
- Trả trước cho người bán	7.267.782.282	7.267.782.282
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.070.743.619	3.575.206.308
- Phải thu khác	64.022.474.911	64.022.474.911

**1.3. Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<b>Số dư ngày 31/12/2014</b>
- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	0
- Phải trả người bán	559.072.811
- Người mua trả tiền trước	207.296.271
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.837.675.333
- Chi phí phải trả	187.168.320
- Phải trả khác	1.989.687.796

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## 1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	559.072.811		559.072.811
- Người mua trả trước	207.296.271		207.296.271
- Phải trả khác	1.989.687.796		1.989.687.796
- Chi phí phải trả	187.168.320		187.168.320
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.837.675.333		5.837.675.333

## 2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

## 3. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã chi trả trong kỳ:

Các bên liên quan	Số tiền (VND)
Thù lao Hội đồng quản trị	148.794.142
Thù lao Ban Tổng Giám đốc	276.714.920

## 4. Thông tin về các bên liên quan khác phát sinh trong kỳ

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan nào khác. Tại thời điểm 31/12/2014, không có số dư nào với các bên liên quan.

Người lập

**ĐỒNG THỊ DUY THANH**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ LAN ANH**

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



**VŨ ĐỨC NGHĨA**